

Bản án số: 119/2026/HS-ST
Ngày 22 - 5 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thành Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Ngọc Hưng và bà Trần Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Hồng Quân, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Quảng Ninh tham gia phiên tòa: bà Đỗ Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 83/2026/TLST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2026/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2026, đối với bị cáo:

Nguyễn Quang T, sinh ngày 25 tháng 6 năm 1967 tại tỉnh Quảng Ninh; số Căn cước công dân: 022067002790, cấp ngày 14/4/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an; nơi cư trú: tổ 5, khu H, phường H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 4/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quang T1 và bà Lương Thị H; có vợ là Phạm Hồng T2, nhưng đã ly hôn; có 02 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án: ngày 27/3/1992, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm (Bản án số 30/HSPT; do Bản án hình sự sơ thẩm số 05/HSST ngày 22/01/1992 của Tòa án nhân dân thị xã Hòn Gai, tỉnh Quảng Ninh bị kháng cáo): xử phạt 36 tháng tù (sau khi tổng hợp với Bản án hình sự sơ thẩm số 07/HSST ngày 16/01/1992 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh), về các tội: “Trộm cắp tài sản của công dân”, “Hủy hoại tài sản Xã hội chủ nghĩa” và “Chống người thi hành công vụ”; buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Mai Văn T3 1.250.000 đồng, bồi thường cho chị Trần Thị N 70.000 đồng và bồi thường cho chị Nguyễn Thị T4 21.000 đồng; buộc bị cáo phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm loại không thời hạn do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian thi hành án; buộc bị cáo phải nộp 15.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, 15.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm và 65.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Đến ngày 01/9/1994, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, đã nộp đủ tiền án phí, nhưng đến nay chưa thi hành xong phần bồi thường thiệt hại; tiền sự: không; nhân thân: (1) Ngày 16/01/1992, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm (Bản án số 07/HSPT; do Bản án hình

sự sơ thẩm số 163/HSST ngày 04/12/1991 của Tòa án nhân dân thị xã Hòn Gai, tỉnh Quảng Ninh bị kháng cáo); xử phạt 09 tháng tù, về tội “Cố ý gây thương tích”; buộc bị cáo phải nộp 15.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 15.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Đến ngày 01/9/1994, bị cáo chấp hành xong toàn bộ bản án; (2) Ngày 19/6/2002, bị Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh (Bản án số 134/HS₂ ngày 19/6/2002): xử phạt 24 tháng tù, về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; buộc bị cáo phải nộp 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Đến ngày 29/3/2004, bị cáo chấp hành xong toàn bộ bản án; (3) Ngày 22/12/2021, bị Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh (Bản án số 335/2021/HS-ST): xử phạt 15 tháng tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Đến ngày 08/9/2022, bị cáo chấp hành xong toàn bộ bản án; bị tạm giữ từ ngày 22/01/2026; tạm giam từ ngày 31/01/2026; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác (người chứng kiến)*: anh Phạm Văn K; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 25/02/2025, Nguyễn Quang T thực hiện xong quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Quảng Ninh với thời hạn 06 tháng kể từ ngày 25/8/2024 đến ngày 25/02/2025 và trở về địa phương. Ngày 03/3/2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường H, tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định quản lý sau cai nghiện ma túy số 05/QĐ-UBND đối với bị cáo tại nơi cư trú, trong thời hạn 01 năm kể từ ngày 03/3/2025 đến ngày 03/3/2026. Cùng ngày, Công an phường H giao Quyết định này cho bị cáo.

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 22/01/2026, tại nơi ở của Nguyễn Quang T, thuộc tổ 5, Khu H, phường H, tỉnh Quảng Ninh. Công an phường H kiểm danh, kiểm diện, lấy mẫu, xét nghiệm nước tiểu của T tại Trạm y tế phường H. Kết quả: T dương tính với ma túy Heroine. Tại Kết luận giám định hóa pháp số 284/PY-XNĐH ngày 26/01/2026 của V kết luận: tìm thấy các chất ma túy Methamphetamin, Ketamin, Morphin và chất chuyển hóa của Heroin là 6MAM trong mẫu tóc của Nguyễn Quang T.

Ngày 22/01/2026, bị cáo đến Công an phường H đầu thú và khai nhận: trước đây, bị cáo và N2 cùng làm công trình xây dựng ở phường B, nên thỉnh thoảng bị cáo mời N2 đến nhà ăn uống. Bị cáo không rõ lai lịch, địa chỉ nhà N2 ở đâu. Khoảng 16 giờ ngày 15/01/2026, khi bị cáo đang ở nhà thì N2 đến chơi nên bị cáo mời N2 ở lại ăn tối. Sau đó, bị cáo đi chợ mua đồ ăn, đến khoảng 16 giờ 30 phút bị cáo về nhà thì thấy N2 đang đứng ở ngoài sân nói chuyện điện thoại. Bị cáo đi vào phòng khách thấy trên bàn uống nước có để 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy, bên

trong nỏ thủy tinh vẫn còn chất ma túy màu trắng vàng chưa sử dụng hết. Bị cáo biết là ma túy, nên lấy bật lửa để trong túi quần ra, bật lửa hơi nóng nỏ thủy tinh rồi hít khói bốc lên. Bị cáo hít khoảng 4 khói thì hết số ma túy trong nỏ. Khoảng 10 phút sau, N2 đi vào trong nhà nhìn thấy ma túy bị sử dụng hết, N2 bức tức bị cáo rồi cầm bộ dụng cụ sử dụng ma túy bỏ đi. Bị cáo là người nghiện ma túy nên nhận ra được bộ dụng cụ và biết cách sử dụng ma túy. Bị cáo biết chất màu trắng vàng trong nỏ thủy tinh là ma túy. Tuy nhiên, do là ma túy của N2 nên bị cáo không biết cụ thể là ma túy gì, bị cáo đã làm rơi chiếc bật lửa sử dụng để hút ma túy, không rõ ở vị trí nào. Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận việc truy tố và đưa bị cáo ra xét xử là đúng người, đúng tội, không oan, sai, xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

Tại Cơ quan điều tra, anh Phạm Văn K (sinh năm 1984; nơi thường trú: tổ 6, khu H, phường H, tỉnh Quảng Ninh) khai: ngày 22/01/2026, tại Công an phường H, anh trực tiếp chứng kiến bị cáo đầu thú và khai nhận hành vi sử dụng ma túy vào ngày 15/01/2026 như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số: 77/CT-VKSKV1-QNH ngày 06 tháng 4 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Nguyễn Quang T về tội: “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Quang T phạm tội “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 256a; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T từ 30 (ba mươi) tháng tù đến 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (ngày 22 tháng 01 năm 2026).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Về việc vắng mặt người chứng kiến tại phiên tòa: giai đoạn điều tra đã có lời khai chứng kiến cơ quan Công an lập biên bản về việc bị cáo ra đầu thú, khai báo về hành vi sử dụng ma túy của mình và không có ý kiến gì. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ vẫn đảm bảo thực hiện đúng quy định tại Điều 296 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung truy tố:

[2.1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người chứng kiến nêu trên về thời gian, địa điểm, phương thức thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo và mẫu vật thu giữ, bản Kết luận giám định hóa pháp số 284/PY-XNĐH ngày 26/01/2026 của Viện pháp y Quân đội xác định: tìm thấy các chất ma túy và chất chuyển hóa trên cơ thể của bị cáo sau khi đã sử dụng, cùng những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: bị cáo Nguyễn Quang T là đối tượng đang trong thời hạn bị quản lý sau cai nghiện ma túy theo Quyết định số: 05/QĐ-UBND ngày 03/3/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường H, tỉnh Quảng Ninh (từ ngày 03/3/2025 đến ngày 03/3/2026), nhưng khoảng 16 giờ 30 phút ngày 15/01/2026, lại có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy loại Methamphetamin, Ketamin, Morphin và Heroin, tại nơi ở của bị cáo thuộc tổ 5, khu H, phường H, tỉnh Quảng Ninh.[2.2] Điều 256a Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào sử dụng trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 03 năm: ...

b) Đang trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy;... ”...

Điều 40 Luật Phòng, chống ma túy quy định:

“1. Người đã hoàn thành cai nghiện ma túy tự nguyện, người đã hoàn thành điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc chịu sự quản lý sau cai nghiện ma túy trong thời hạn 01 năm kể từ ngày hoàn thành việc cai nghiện hoặc chấp hành xong quyết định ”...

Methamphetamin, Ketamin, Morphin và Heroin mà bị cáo sử dụng là các chất ma túy, bị Nhà nước cấm sử dụng trong đời sống xã hội theo quy định tại Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ. Bị cáo không được phép sử dụng chất ma túy theo quy định của pháp luật.

[2.3] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý, biết việc sử dụng trái phép ma túy là có hại, vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh truy tố bị cáo về tội danh, khung hình phạt nêu trên là có cơ sở pháp luật.

[2.4] Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm đến trật tự quản lý, kiểm soát các chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự, trị an xã hội, làm bất bình trong

quần chúng nhân dân địa phương. Ma túy đang là hiểm họa của toàn xã hội, nó không những trực tiếp xâm hại đến sức khỏe về tinh thần, thể chất và tài sản của người sử dụng, gây lo lắng, buồn phiền cho những người thân trong gia đình, mà còn là một trong những nguyên nhân phát sinh tội phạm, lan truyền bệnh tật và các tệ nạn xã hội khác. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm minh.

[2.5] Về tiền án và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: tại Bản án hình sự phúc thẩm số 30/HSPT ngày 27/3/1992 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh (trích) đã: xử phạt bị cáo 36 tháng tù; buộc bị cáo phải bồi thường cho anh T3 số tiền 1.250.000đ, bồi thường cho chị N số tiền 70.000đ, bồi thường cho chị T4 số tiền 21.000đ; buộc bị cáo phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm loại không thời hạn do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian thi hành án như phân lý lịch nêu trên. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai: bị cáo có nghe nói khi bị cáo ở trong tù, bố, mẹ bị cáo đã tự bồi thường cho các bị hại nhưng không qua Cơ quan thi hành án dân sự, không lập thành văn bản, bị cáo cũng không nhớ cụ thể vào thời điểm nào. Bị cáo không có giấy tờ gì để nộp cho cơ quan tố tụng. Kết quả xác minh của Cơ quan điều tra xác định: chị N đã nhận tiền bồi thường của gia đình bị cáo, còn anh T3 và chị T4 không xác định được địa chỉ hiện nay ở đâu; Cơ quan Thi hành án dân sự đã trả lại đơn yêu cầu thi hành án cho các bị hại do bị cáo không có tài sản để bồi thường. Bố mẹ bị cáo đã chết. Về mặt pháp lý, đến nay Bản án vẫn còn thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự, ngoài số tiền bị cáo chưa thi hành án (tiền gốc), đến nay vẫn phát sinh tiền lãi chậm trả nếu bị cáo chưa thi hành.

Khoản 2 Điều 70 của Bộ luật hình sự quy định:

“2. Người bị kết án đương nhiên được xóa án tích, nếu từ khi chấp hành xong hình phạt chính hoặc hết thời gian thử thách án treo, người đó đã chấp hành xong hình phạt bổ sung, các quyết định khác của bản án và không thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời hạn sau đây: ...

b) 02 năm trong trường hợp bị phạt tù đến 05 năm; ...”.

Tại Công văn số: 64/TANDTC-PC ngày 03.4.2019 của Tòa án nhân dân tối cao giải đáp: *“...Trường hợp người bị kết án (sau này là bị can, bị cáo trong một vụ án mới) không nhận được thông báo và quyết định thi hành án của Cơ quan thi hành án dân sự nên chưa thi hành hình phạt bổ sung, chưa nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và các quyết định khác của bản án là chưa chấp hành xong hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án. Trong trường hợp này, người bị kết án không đương nhiên được xóa án tích theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật Hình sự”.*

Ngày 01/9/1994, bị cáo chấp hành xong hình phạt chính (tù có thời hạn), nhưng chưa chấp hành xong phần bồi thường thiệt hại của Bản án. Tòa án cũng đã ra Thông báo yêu cầu Viện kiểm sát cung cấp bổ sung tài liệu chứng cứ chứng minh bị cáo đã thi hành xong phần bồi thường thiệt hại của Bản án này, nhưng

ngoài lời khai của bị cáo ra thì đến nay không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh bị cáo đã thi hành xong phần nghĩa vụ dân sự của Bản án. Trách nhiệm chứng minh trong vụ án hình sự thuộc về cơ quan tiến hành tố tụng, nhưng cơ quan tiến hành tố tụng không chứng minh được. Việc thi hành Bản án không chỉ là nghĩa vụ của bị cáo đối với bị hại, mà còn là trách nhiệm của bị cáo đối với Nhà nước trong việc chấp hành bản án, nếu vi phạm thì có thể bị xử lý theo quy định của pháp luật. Do đó, Cáo trạng và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa xác định bị cáo có tiền án và thuộc trường hợp “tái phạm” là có cơ sở pháp luật.

[2.6] Sau khi phạm tội, bị cáo đã đầu thú, thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3] Về hình phạt: căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy: bị cáo có nhân thân rất xấu, đã từng bị kết án nhiều lần nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân, lại tiếp tục phạm tội, nên cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định, tương xứng với tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của mình, không những nhằm trừng trị, mà còn để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình, phòng ngừa chung cho xã hội, cảnh báo, răn đe với những đối tượng khác, đáp ứng được mục đích của hình phạt.

[4] Về vật chứng bị thu giữ: đã được sử dụng hết trong quá trình điều tra, giám định, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về người đàn ông tên N2 mang bộ dụng cụ sử dụng ma túy đến nhà bị cáo, nhưng không xác định được nhân thân, lai lịch, địa chỉ cụ thể, nên không có căn cứ để xử lý theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Quang T phạm tội “Sử dụng trái phép chất ma túy”;

2. Căn cứ vào: điểm b khoản 1 Điều 256a; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017 và 2025): xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 22 tháng 01 năm 2026);

3. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024 và 2025); điểm a khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 23 và Danh mục án phí, lệ phí

Tòa án kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: buộc bị cáo Nguyễn Quang T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024 và 2025): bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSNDKV 1 – Quảng Ninh;
- VKSND T. Quảng Ninh;
- CQ điều tra, CQ Hồ sơ nghiệp vụ và CQ THAHS Công an T. Quảng Ninh;
- Trại tạm giam Công an T. Quảng Ninh;
- Phòng THADSKV 1 - Quảng Ninh;
- TAND T. Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ; Lưu TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lâm